

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh.	Các em sinh năm 2017: - Diện thường trú: Phường 4; phường 5, các khu phố: 4, 8; Phường 7 các khu phố: 2, 4, 5, 6, 7	Tất cả HS hoàn thành CT lớp 1	Tất cả HS hoàn thành CT lớp 2	Tất cả HS hoàn thành CT lớp 3	Tất cả HS hoàn thành CT lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện theo Quyết định 16/2006-QĐ BGD-ĐT, ngày 05/05/2006 về chương trình GDPT bậc Tiểu học; Công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 01/09/2011 về hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học GDPT đối với học sinh lớp 5. - Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Kết hợp 3 môi trường giáo dục: Nhà trường-Gia đình-Xã hội. - Cha mẹ học sinh nhắc nhở, tạo điều kiện cho con em tự học, tự rèn luyện ở nhà. Tham gia đầy đủ các buổi họp CMHS định kỳ 3 lần/năm. - Giáo dục con em có ý thức tự giác, tích cực. Thực hiện tốt Điều lệ trường Tiểu học và nội quy của nhà trường. - HS tích cực học tập và tham gia các hoạt động.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức thường xuyên và có chất lượng các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. - Tổ chức sân chơi, CLB năng khiếu cho HS				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Kết quả năng lực; phẩm chất: đạt 100%. - Kết quả về học tập: hoàn thành chương trình lớp học đạt tỷ lệ 99,5%; hoàn thành chương trình tiểu học đạt tỷ lệ 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để học tập.				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	- Học sinh có khả năng tiếp tục học lên các lớp.				

Gò Vấp, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Lê Thị Hồng Nhung

Biểu mẫu 06

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẠNH THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1581	273	308	347	356	297
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1554	273	308	347	356	270
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1687	306	354	359	301	367
1	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1581 100%	273 100%	308 100%	347 100%	356 100%	297 100%
2	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1581	273	308	347	356	297
1	Hoàn thành XS (tỷ lệ so với tổng số)	529 33,50%	111 40,70%	101 32,80%	136 39,20%	105 29,50%	76 25,60%
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	236 14,90%	0 0%	7 2,30%	11 3,20%	4 1,10%	214 72,10%
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	808 51,10%	159 58,24%	195 63,31%	200 57,60%	247 69,40%	7 2,40%
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	8 0,50%	3 1,06%	5 1,59%	0 0%	0 0%	0 0%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	1573 99,49%	270 98,90%	303 98,38%	347 100%	356 100%	297 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	1443 91,30%	253 92,70%	256 83,10%	310 89,30%	334 93,80%	290 97,60%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	8 0,51%	3 1,10%	5 1,62%	0 0%	0 0%	0 0%

Gò Vấp, ngày 28 tháng 8 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
HẠNH THÔNG
Lê Thị Hồng Nhung

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẠNH THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	38/38	Số 1m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	38	1 m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	Số điểm trường lẻ	01	-

IV	Tổng diện tích đất (m ²)	3621	2.05
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	700	
VI	Tổng diện tích các phòng		/
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1.06
2	Diện tích thư viện (m ²)	48	/
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	/	/
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	/
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	/	/
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48	/
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	/
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	/	/
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24	/
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	50	50/38lớp
1.1	Khối lớp 1	10	7/10
1.2	Khối lớp 2	10	7/10
1.3	Khối lớp 3	10	9/10
1.4	Khối lớp 4	10	8/10



1.5	Khối lớp 5	10	7/10
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	/	/
2.1	Khối lớp 1	/	/
2.2	Khối lớp 2	/	/
2.3	Khối lớp 3	/	/
2.4	Khối lớp 4	/	/
2.5	Khối lớp 5	/	/
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	01 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	73	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	19	1/2
2	Cát xét	3	1/12
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	/
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	23	23/38
5	Thiết bị khác...	/	/
6		/	/

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	105 m ²
XI	Nhà ăn	/

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	✓		✓		✓
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

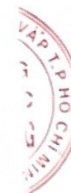
		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	✓	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	✓	
XVII	Kết nối internet	✓	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	✓	
XIX	Tường rào xây	✓	

Gò Vấp, ngày 28 tháng 8 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Thị Hồng Nhung



UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẠNH THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, Năm học: 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III (cũ)	Hạng III	Hạng II (cũ)	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	87														
I	Giáo viên	55			53	2			4	17	7	27	51	4		
	Trong đó số giáo viên nhiều môn	39			38	1			2	12	5	20	38	1		
	1 Tiếng dân tộc	0														
	2 Ngoại ngữ	8			7	1			2	3	2	1	8			
	3 Tin học	2			2					1		1	1	1		
	4 Âm nhạc	2			2					1		1	1	1		
	5 Mỹ thuật	1			1							1	1			
	6 Thể dục	2			2							2	1	1		
	7 Kỹ thuật-Công nghệ	1			1							1	1			
	II Cán bộ quản lý	3		3								3		3		
1 Hiệu trưởng	1		1								1		1			
2 Phó hiệu trưởng	2		2								2		2			
III Nhân viên	29			1		3										
1 Nhân viên văn thư	0															
2 Nhân viên kế toán	1			1												
3 Thủ quỹ	1					1										
4 Nhân viên y tế	1					1										
5 Nhân viên thư viện, thiết bị	0															
6 Nhân viên cấp dưỡng	1					1										
7 Nhân viên công nghệ thông tin	0															
	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0														
	Nhân viên bảo vệ	3														
	Nhân viên phục vụ	22														

Gò Vấp, ngày 28 tháng 8 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 TIỂU HỌC
 HẠNH THÔNG
 Lê Thị Hồng Nhung